

Giá trị đạo đức truyền thống trong văn hóa của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên

Phạm Huy Thành *

Tóm tắt: Giá trị đạo đức truyền thống là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ hệ thống giá trị tinh thần của dân tộc Việt Nam. Nói đến giá trị đạo đức truyền thống Việt Nam là nói đến các giá trị đạo đức đặc thù của con người Việt Nam được thử thách qua hàng ngàn năm lịch sử. Đồng bào các dân tộc Tây Nguyên là một bộ phận của đồng bào các dân tộc Việt Nam, văn hóa đồng bào các dân tộc Tây Nguyên cũng góp phần tạo nên những giá trị văn hóa Việt Nam. Bài viết nêu ra một số giá trị đạo đức truyền thống dân tộc biểu hiện trong văn hóa của các đồng bào dân tộc Tây Nguyên nhằm làm rõ hơn “là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng dân tộc Việt Nam”.

Từ khóa: Giá trị đạo đức truyền thống; đồng bào Tây Nguyên; bản sắc; sử thi; lễ hội.

Tây Nguyên nằm ở phía tây của Nam Trung Bộ Việt Nam, là địa bàn chiến lược nhiều mặt của cả nước, nơi cư trú của nhiều dân tộc và nhóm dân tộc khác nhau. Bức tranh văn hóa Tây Nguyên vốn phong phú, đa dạng đang thay đổi từng ngày do tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường và sự hội nhập ngày càng sâu, rộng của Việt Nam với khu vực và quốc tế.

Ngoài một số nét tương đồng với văn hóa dân tộc nói chung, văn hóa Tây Nguyên có bản sắc riêng. Sự hình thành, tồn tại và phát triển của văn hóa các dân tộc thiểu số ở đây gắn liền với “rừng”, với buôn, làng, nương rẫy. Người Tây Nguyên tin rằng: vạn vật hữu linh, mọi vật xung quanh con người đều có hồn, có thần linh (Yang) che chở, phù hộ.

Nói đến văn hóa Tây Nguyên, trước hết phải nói đến văn hóa công, chiêng - cái tạo nên bản sắc Tây Nguyên. Theo quan niệm của đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên: Công, chiêng được xem là thứ ngôn ngữ hàng đầu để con người tiếp xúc với thần linh. “Công chiêng Tây Nguyên do vậy đã góp phần tạo nên những thiên sử thi, những áng thơ ca đậm chất văn hóa Tây Nguyên vừa lãng mạn, vừa hùng tráng”⁽¹⁾. Với giá trị và ý nghĩa nhiều mặt, nhất là về văn hóa, công chiêng Tây Nguyên đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

(*) Tiến sĩ, Đại học Kinh tế Đà Nẵng.

ĐT: 0966904325. Email: gvphtanh@gmail.com

⁽¹⁾ Lê Bảo (2009), “Không gian văn hóa công chiêng Tây nguyên - di sản thế giới”, <http://www.Vnexpress.com.vn>.

Nét đặc thù của đồng bào Tây Nguyên là yêu thích âm nhạc và sáng tạo ra các giá trị âm nhạc. Bên cạnh Cồng chiêng, họ còn sáng tạo ra các loại nhạc cụ được làm từ các vật liệu sẵn có trong tự nhiên như: đàn kôh, klong put, đàn t'rung, t'rung nước, t'rung gió, chinh kren (chiêng gió)... Đây là những nhạc cụ gắn chặt với con người Tây Nguyên trong quá trình lao động, sản xuất, thể hiện khát vọng hòa nhập với tự nhiên, với cuộc sống.

Không gian văn hóa của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên luôn gắn với rừng, buôn làng với những ngôi nhà. “Điểm nổi bật trong không gian văn hoá Tây Nguyên là kiến trúc nhà ở (nhà Rông, nhà Guol, nhà Dài) đây là một thành tố quan trọng không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt cộng đồng dân tộc Tây Nguyên. Nhà Rông ở Tây Nguyên không chỉ là nơi để thực thi các luật tục, nơi tiếp khách, nơi diễn ra các sự kiện trọng đại, nơi các già làng dùng để tập hợp dân làng bàn luận những vấn đề quan trọng của làng, của đất nước. Mà còn là nơi thể hiện mỹ thuật trang trí độc đáo, thể hiện khát vọng của nhân dân muốn vươn lên trời xanh, mong muốn hoà nhập với vũ trụ”⁽²⁾.

Bên cạnh những đặc điểm văn hóa nổi bật nêu trên, văn hóa Tây Nguyên trong cội nguồn của nó luôn thể hiện các giá trị: yêu nước, thương yêu con người, cần cù tiết kiệm, đoàn kết. Đây chính là giá trị văn hóa thể hiện sự giao thoa, gặp gỡ của nền văn hóa Việt Nam “thống nhất trong đa dạng”.

Thứ nhất, chủ nghĩa yêu nước được biểu hiện ở văn hóa, con người đồng bào các dân tộc Tây Nguyên thông qua những áng văn sử thi, các lễ hội, phong tục tập quán. Ở đó

thể hiện tình yêu thiên nhiên (yêu rừng, gắn chặt với rừng), trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ bản làng, gia đình, anh em, vợ chồng trước mọi hiểm nguy.

Giá trị tiêu biểu nhất trong kho tàng văn học dân gian đồng bào dân tộc Tây Nguyên là “trường ca” (sử thi), những tiểu thuyết lịch sử chia thành chương đoạn, chủ yếu tường thuật những cuộc giao tranh giữa các tù trưởng, hoặc chống thiên nhiên, chống thần linh, chống những thế lực bạo tàn để bảo vệ không gian gian sinh tồn của mỗi dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước luôn gắn với cộng đồng, xây dựng những nhân vật tiêu biểu để ca ngợi khí tiết, biểu hiện sức mạnh của dân tộc mình để chống lại sức mạnh của tự nhiên, sự tàn bạo, bất công trong xã hội. Trong “Đăm Di”, bản trường ca đầy nét trữ tình, Đăm Di đi săn nêu cao khí tiết anh hùng và bổn phận của người đàn ông trước gia đình, dòng họ và buôn làng. “Xinh Nhơ Niép” ca ngợi tài năng và sự quả cảm của một chàng trai đấu tranh chống lại cường quyền để cứu mẹ, trả thù cho cha, giải phóng những con người thoát khỏi thân phận nô lệ. “Xinh Nhã” đề cập đến cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, bất công, đề cao chữ hiếu với cha mẹ, trách nhiệm và nghĩa vụ của trai làng trước sự tồn vong của cộng đồng. “Đăm Noi” nói về cuộc đấu tranh chống cái ác, chống sự thù nghịch trong tự nhiên, để bảo vệ không gian sống của buôn làng, bảo vệ rừng chỗ dựa tâm linh cho mọi người. “Đăm San” kể về vị tù

⁽²⁾ Trần Sĩ Phán, Phạm Huy Thành (2012), “Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào Tây Nguyên, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 11, tr.94.

trưởng, biểu tượng cho vị anh hùng bảo vệ đời sống cộng đồng, anh dũng, hiên ngang đấu tranh với tự nhiên, bất công xã hội, chống lại các tập tục truyền thống.

Chủ nghĩa yêu nước đồng bào các dân tộc Tây Nguyên còn được biểu hiện qua “lễ thành đinh”. “Có nơi gọi lễ cắt việc, thổi bể bông, đây là lễ công nhận hết tuổi trẻ con, đủ sức và ý thức để trở nên thành viên của cộng đồng, có trách nhiệm gánh vác công việc của gia đình, của bộ tộc”⁽³⁾. Ngày xưa, lễ này rất được chú trọng ở đồng bào các dân tộc Tây Nguyên; thể hiện sức mạnh của các tù trưởng bằng việc đi xâm lược, cai trị các bộ tộc khác. Bộ tộc bị thua, bị tịch thu tất cả của cải, con người trong bộ tộc cũng bị bắt về (traí tráng thì làm nô lệ hoặc xung vào đội ngũ chiến binh; phụ nữ, trẻ em, người già có thể bị bán cho các bộ tộc khác). Chính vì vậy, để bảo vệ được bộ tộc, các thanh niên trong bộ tộc đến tuổi trưởng thành luôn được dạy dỗ ý thức trách nhiệm về bảo vệ cuộc sống buôn làng; đồng bào các dân tộc Tây Nguyên luôn chú trọng việc dạy dỗ, nuôi dưỡng tầng lớp thanh thiếu niên về tinh thần chiến đấu, rèn luyện sức khỏe, tinh thần chịu đựng gian khổ. Thể hiện tinh thần trách nhiệm của bản thân mình trước buôn làng, họ sẵn sàng hy sinh để bảo vệ buôn làng trước mọi hiểm họa. Lễ thành đinh luôn đi kèm với các lễ hội: đẩy cây, phóng lao, bắn nỏ, đánh kiểng, đua voi.

Để lãnh đạo các tráng đinh, đồng bào Tây Nguyên trước đây đều đề cử ra một người chỉ huy quân sự, người Banar gọi “Bok tô” hoặc “Bơ ngại”, người Xêđăng gọi “Bok thô”, người Êđê gọi “Pô pin Blahh”. Tiêu chuẩn của người chỉ huy quân

sự: khỏe mạnh, có tinh thần dũng cảm, hiểu biết quân sự, có tinh thần Thương yêu và quyết tâm bảo vệ bộ tộc, buôn làng. Trường hợp của các tù trưởng: Nơ Trang Long (Mnông), Ama Yhao (Êđê) đã tụ tập rất đông người dân trong buôn làng chống kẻ thù để bảo vệ đồng bào trong kháng chiến chống Pháp. Trong hai cuộc kháng chiến, Tây Nguyên trở thành căn cứ địa cách mạng vững chắc. Đồng bào các dân tộc Tây Nguyên không chỉ đóng góp lương thực, thực phẩm cho cuộc kháng chiến, họ còn trực tiếp tham gia lực lượng du kích, bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực để bảo vệ buôn làng, bảo vệ căn cứ địa cách mạng. Biết bao nhiêu người con của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã hy sinh cho đất nước, lịch sử dân tộc mãi ghi danh những người con ưu tú của núi rừng Tây Nguyên.

Qua hai cuộc kháng chiến tên đất, tên người ở Tây Nguyên đã ghi vào lịch sử dân tộc: tên địa danh như chiến khu Dlieya, căn cứ buôn Hoàng, căn cứ Cư Prao, làng Stor, An Khê, Plâyme, Đăk Tô, Tân Cảnh, Buôn Ma Thuột; tên các anh hùng như Ama Jhao, Nơ Trang Guh, Nơ Trang Long, Y Jút và Y Út, Đinh Núp... Họ mãi mãi là tấm gương sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Từ đó, tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào, tự tôn dân tộc được đồng bào các dân tộc Tây Nguyên lĩnh hội và phát huy trong hoàn cảnh lịch sử mới.

Thứ hai, tình yêu thương con người của

⁽³⁾ Lâm Tâm - Linh Nga Niêk Đam (1996), *Một số nét đặc trưng của phong tục các dân tộc Tây Nguyên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr.121.

đồng bào các dân tộc Tây Nguyên thể hiện qua lao động sản xuất, sinh hoạt cộng đồng, tình cảm gia đình. Mỗi thành viên đều được làng đùm bọc với nếp sống, cách nghĩ vui buồn có nhau. Ở trong làng, khi gia đình có một vấn đề gì đều được cả làng quan tâm chia sẻ, từ chuyện sinh nở, ma chay, cưới xin cho đến chuyện bất hòa tình cảm làng xóm. Một gia đình có chuyện thì cả làng giúp việc ăn uống, lo các thủ tục từ thờ cúng cho đến chăm sóc sức khỏe con người. Một thành viên trong làng bắn được con thú cả làng chia phần, một nhà mở chế rượu cả làng đều uống. Mỗi người trong cộng đồng là một thành viên nhất định của một làng, sống trong không khí cộng đồng và suốt đời bị chi phối bởi lối sống mang tính cộng đồng.

Trong cộng đồng làng, mọi người gắn kết với nhau chia sẻ từ đời sống vật chất đến đời sống tinh thần. Ngay cả những người đã chết, họ cùng tồn tại trong tâm trí tưởng tượng của người trong làng gọi là “làng ma”, “nhà mồ”. Theo quan niệm của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, cộng đồng làng với tình cảm con người gắn bó trở thành một chỉnh thể có uy lực siêu nhiên. Tất cả dân làng đều chung số phận: vinh hạnh, may mắn hoặc hiểm họa, thua thiệt. Mỗi thành viên không thể tách rời, đối chọi sống biệt lập với cộng đồng và cộng đồng cũng không chấp nhận được những thành viên đi ngược với lợi ích của cộng đồng.

Tình yêu thương con người còn được thể hiện qua những loại truyện cổ của các dân tộc sinh sống trên địa bàn Tây Nguyên: người Êđê có thuyết hang Ađrên (băng Ađrên), người Mnông có truyện “Trôm

Nđrênh”, người Cơ Ho có chuyện kể về dòng dõi con cháu nữ thần mặt trời, người Ba Na kể về Ông Trống (bok sgo). Phản ánh hiện thực cuộc sống: con người luôn phải vật lộn trước bao khắc nghiệt và thử thách để sinh tồn, phát triển. Sự đối chọi giữa cái thiện với cái ác xuất hiện phổ biến trong loại truyện, sự tàn bạo và ngự trị của các thế lực đen tối đối với đời sống đồng bào. Trong hoàn cảnh đó, các truyện đưa ra mô típ tình yêu trai gái vượt qua mọi thử thách, con người nghèo khổ nhưng nhân hậu cuối đời gặp may mắn. Truyện cổ tích của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên bao giờ cũng đi theo quy luật nhân quả, kẻ ác bị trừng trị, con người nhân hậu thì vượt qua mọi khổ đau chiến thắng số phận. Đồng bào các dân tộc nơi đây đã gửi gắm vào đó ước muốn về sự công bằng, tính hướng thiện của con người, khát vọng no ấm, tình yêu, lòng chung thủy, yêu thương con người cùng nhau vượt qua mọi gian khó.

Sự thủy chung son sắt của con người đồng bào các dân tộc Tây Nguyên thể hiện ở tình yêu đôi lứa, khát vọng hạnh phúc, sự ấm no qua các vần thơ. Tộc người nào cũng có vốn ca dao, tục ngữ, thành ngữ và sử dụng chúng trong đời sống hàng ngày. Những bài ca dao thường nói về tình cảm đôi lứa, tình yêu thiên nhiên, tình cảm gia đình, bạn bè, ca ngợi quê hương xứ sở, nói lên ước vọng cuộc đời. Qua đó thể hiện tình yêu thương con người một cách chân thật, dám hy sinh tất cả để đón nhận tình yêu dù có phải chờ đợi. Bài Hri người Ba Na: “*Anh lên núi, em theo anh lên núi; Anh xuống suối, em cũng theo anh xuống suối; Anh có đi xa dù bao năm tháng, em vẫn chờ anh; Con trâu, cha*

mẹ cho đã buộc ở cây to; Chiếc cườm năm xưa anh tặng em vẫn giữ⁽⁴⁾.

Cách ứng xử trong gia đình ở đồng bào các dân tộc Tây Nguyên thể hiện rõ không có chế độ đa thê, đa phu (nhiều vợ, nhiều chồng). Trong xã hội con người đến tuổi trưởng thành thì sống phải có gia đình, quan hệ vợ chồng bình đẳng.

Xã hội truyền thống Tây Nguyên trước đây chưa có sự phân hoá giai cấp, chưa xuất hiện nhà nước. Vì vậy, các quan hệ xã hội mang tính bình đẳng, mọi người tham gia lao động đều được hưởng thụ như nhau. Mức sống của các gia đình trong làng không chênh lệch nhau, quan hệ giữa con người với con người gắn bó chặt chẽ, mọi người sống ngay thẳng. Trong quan hệ gia đình vợ chồng bình đẳng, con cái được tự do, người già được tôn trọng. Tính cộng đồng rất cao, mọi người đều sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau khi cần thiết.

Thứ ba, đức tính cần cù, tiết kiệm ở đồng bào các dân tộc Tây Nguyên được thể hiện thông qua lao động sản xuất nương rẫy, những con người nơi đây yêu tự nhiên, đề cao các thành quả lao động của gia đình. Những chàng trai cô gái rất giỏi dệt vải, săn bắn, trồng trọt.

Rẫy của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên được canh tác theo hình thức đa canh, xen canh, quảng canh phù hợp với trình độ sản xuất của bà con nơi đây. Trong đó, kỹ thuật xen canh phổ biến trong nông nghiệp nương rẫy: hình thức trộn lẫn các loại hạt giống rồi gieo tria cùng lúc. Người Chil và Lát trồng nhiều ngô, xen với lúa, cây thuốc lá, cà, dưa, bầu, mỗi loại được trồng một hốc riêng. Cây lúa giữ một vị trí

chủ đạo, lúa được trồng trên ruộng cạn và cả ở ruộng nước. Đồng bào các dân tộc Tây Nguyên luôn tranh thủ thời gian và các điều kiện về khí hậu để tăng cường sản xuất trên mảnh đất mà mình đã khai hoang. Họ tạo ra kinh tế rẫy để đáp ứng được sự phát triển dân số trong gia đình và buôn làng.

Đến mảnh đất Tây Nguyên, chúng ta thấy đồng bào nơi đây rất giỏi các nghề làm mộc, đan lát, dệt vải, rèn, làm gốm. Hầu hết đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đều có truyền thống dệt vải, tuy cách thức dệt còn thô sơ, chưa có cả khung cửi, mà chỉ có loại “khung dệt kiểu Anh - đô - nê - điêng”. Người Mạ đã đề ra tiêu chuẩn của thủ lĩnh làng: “Ai dệt giỏi thì có mền đẹp, ai se sợi giỏi thì có chỉ tốt, ai am hiểu truyền thống và làm theo đúng thì trở thành thủ lĩnh”⁽⁵⁾.

Hoạt động săn bắn thú rừng của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên thể hiện tinh thần thượng võ, các kỹ thuật điều luyện khi sử dụng vũ khí để tiêu diệt con mồi. Người Mnông và Êđê nổi tiếng săn voi, người Gia Rai và Ba Na giỏi săn bò tót. Hoạt động săn bắn của đồng bào có mùa, với các hình thức khác nhau: đi săn tập thể, cá nhân, vây đuổi, rình, bẫy... Với mỗi loại thú rừng có cách săn bắn và sử dụng vũ khí khác nhau. Họ tiết kiệm thời gian chỉ khi nương rẫy ít việc thì họ vào rừng săn bắn hoặc khi nhu cầu thực phẩm của gia đình và làng đang cần phải có. Mỗi người con trai đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đều được dạy dỗ từ nhỏ về các kỹ thuật săn bắn, lớn lên họ

⁽⁴⁾ Lưu Hùng (1996), *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr.216.

⁽⁵⁾ *Sđđ*, tr.203-204.

được trải nghiệm trong thực tế. Săn bắn không chỉ đề cao thành quả lao động, lợi ích kinh tế, mà còn thể hiện niềm vinh dự và sự tự hào về thành quả mà mình đã đạt được. “Nhiều người ở Buôn Đôn suốt cuộc đời đã bắt và thuần dưỡng hàng trăm con voi rừng như cụ Ypui bắt được 450 con, cụ Yniê bắt được 240 con, “Vua voi” Ythu là người săn voi nổi tiếng ở cả Thái Lan, Lào, Campuchia. Những người này được trân trọng gọi là Kru”⁽⁶⁾.

Tình yêu lao động của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên thể hiện qua các bài dân ca, ca ngợi quê hương giàu đẹp, đề cập đến cuộc sống lao động, đến tình yêu, đến vẻ đẹp con người. Qua các bài hát, hình tượng nổi bật là con người lao động siêng năng, giàu tình cảm, đầy nghị lực, có tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, có phi phách đấu tranh luôn hướng tới các thiện. Con người trong dân ca thường gắn với công việc sản xuất, tha thiết với rừng, rẫy, cây cỏ, hoa lá, luôn thể hiện tình yêu lao động.

Hôn nhân gia đình là vấn đề quan trọng của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, mọi người đều rất tôn trọng và luôn tạo sự tự do lựa chọn người bạn đời của mình. Ở hầu hết các dân tộc Thượng khi lựa chọn người bạn đời, họ đều đề cao đến năng lực lao động, sức khỏe và đức hạnh. Tiêu chuẩn sắc đẹp và của cải ở xã hội không được đề cao, các đức tính cần cù, chịu khó, hay làm, khéo tay, trai thì xốc vác, gái thì nét na. Phong tục cưới hỏi của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói chung thuần phác đơn giản. Trai gái tỏ tình, cầu hôn thường tặng cho nhau vật phẩm mà chủ yếu là chiếc vòng. Trong nghi lễ cưới hỏi đi theo tuần tự gồm:

dạm hỏi, lễ cưới, sau đến việc lại mặt của đôi uyên ương.

Con người nơi đây đã làm chủ núi rừng bằng chính sức mạnh lao động, họ đã biến vùng đất bazan, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa phục vụ nhu cầu đời sống của chính họ từ vật chất cho đến tinh thần.

Thứ tư, truyền thống đoàn kết là một truyền thống quý báu, tạo nên bản sắc văn hoá của con người Tây Nguyên. Sinh hoạt cộng đồng luôn gắn với cuộc sống hàng ngày của mỗi con người nơi đây, ngay cả trong các hình thức nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo đến việc săn bắn thú rừng. Nếu như người Kinh có truyền thuyết “Lạc Long Quân và Âu Cơ” nói về chung một nguồn cội, thì người H’mông có truyền thuyết “Sinh trong bọc thịt”. Họ cho rằng các dân tộc được sinh ra và sống ở miền núi và miền xuôi đều chung một nguồn gốc đó là từ những cục thịt được hai anh em băm ra từ lời mách bảo của thần qua giấc ngủ. Đồng bào các dân tộc nơi đây có tục kết nghĩa cha con, anh em với các dân tộc khác, hoặc cùng dân tộc nhưng khác dòng họ. Tục kết nghĩa cha con, anh em, đều làm lễ trước Yàng và phải có người làm chứng. Sau khi đã làm lễ, mọi người coi nhau như ruột thịt ở trong nhà, vui buồn, hoạn nạn đều phải được chia sẻ. Biểu hiện qua lời khấn: “Hỡi Yàng y pơm (con của vợ chồng thần tạo ra trời đất). Yàng bok glaih (sắm sét), Yàng Kong (núi), Yàng Dak (nước)... xuống uống rượu và ăn gan lợn, gan gà,

⁽⁶⁾ Lâm Tâm - Linh Nga Niêk Đam (1996), *Một số nét đặc trưng của phong tục các dân tộc Tây Nguyên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr.138.

chúng giám cho... (tên)... kết nghĩa làm cha (mẹ, anh) với... (tên)... làm con (em). Cầu xin Yàng cho chúng nó được khỏe mạnh, sống lâu và cho đến đời con cháu sau này cũng vẫn thân thiết ruột thịt mãi mãi. Không được kiện cáo, bắt vạ, gây chiến với nhau. Ai làm sai lời, sẽ bị Yàng phạt...”⁽⁷⁾.

Trong xã hội cổ truyền Tây Nguyên làng là đơn vị tổ chức xã hội cao nhất, mỗi làng đều có tên riêng và mang tính ổn định bất chấp những biến đổi của lịch sử. Đặc điểm của đồng bào các dân tộc nơi đây là tính cộng đồng sâu sắc, đậm nét trong mọi phương diện của đời sống. Đây không chỉ là cộng đồng dân cư cư trú, dân làng còn gắn bó chặt chẽ, khăng khít với nhau trong lao động sản xuất, trong sinh hoạt hàng ngày từ đời sống vật chất cho đến tinh thần. Đứng đầu làng là “già làng”, có trách nhiệm quán xuyến đời sống mọi mặt của cộng đồng từ quân sự đến kinh tế, sinh hoạt tinh thần. Già làng đại diện cho cộng đồng, thực hiện ý nguyện của dân làng, chịu trách nhiệm trước dân làng về: thiên tai, dịch bệnh, mất mùa.

Sinh hoạt văn hoá cộng đồng đồng bào các dân tộc Tây Nguyên như lễ cúng bến nước, cúng cầu mưa, cúng trừ dịch bệnh, hay là công việc riêng của từng gia đình như lễ đặt tên, cầu sức khoẻ của từng người, cưới xin, ma chay, mừng nhà mới là công việc của mọi người trong làng. Mọi người cùng nhau góp rượu, thịt để dâng cúng thần. Khi mùa màng thu hoạch tốt, được mùa, sinh con khoẻ, đón dâu hiền rẻ thảo, dọn nhà mới mọi người cùng góp vui. Còn lỡ may gặp chuyện buồn thì mọi người cùng nhau chia sẻ, đùm bọc nương tựa lẫn

nhau. Trong sinh hoạt cộng đồng mọi người cùng làm, cùng hưởng, cả cộng đồng cùng nhau gánh vác.

Tính đoàn kết cộng đồng thể hiện trong các lễ hội, theo kiểu vui tập thể, có rượu mọi người cùng uống, có chiêng thì đánh chiêng, ai biết hát thì cất cao lời ca. Mọi người tham gia lễ hội cùng nhau chia vui, cùng nhau biểu diễn, cùng nhau thi tài. Hình thức và nội dung biểu diễn công chiêng luôn thể hiện sự gắn kết từ cử chỉ cho đến các tiết tấu của những con người tham gia biểu diễn. Cách thức uống rượu cần của đồng bào nơi đây thể hiện tình cảm gắn kết cộng đồng hoà chung vào chum rượu, chia sẻ nhưng vui buồn trong cuộc sống, hoặc cùng nhau kính cẩn trước các nghi lễ dâng rượu trước thần linh. Sự đoàn kết còn được thể hiện ở những cuộc đi săn voi của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Săn voi phải huy động sức mạnh của nhiều người đặt dưới sự chỉ huy đoàn săn, con người cùng với voi nhà khi phát hiện ra được voi rừng lập tức bao vây, khua chiêng, tung ra những vũ khí để đánh trả lại sự chống chọi của voi rừng.

Tinh thần đoàn kết, cố kết cộng đồng chi phối toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội và sinh hoạt văn hoá của đồng bào Tây Nguyên. Tính cộng đồng trong làng được biểu hiện rõ trong lao động sản xuất, trong quan hệ láng giềng đã trở thành nếp sống, suy nghĩ và hành vi ứng xử của mọi người, mọi gia đình. Đây chính là những chuẩn mực và giá trị về đạo lý, nhân cách được hình thành như một nguyên tắc lớn nhất của quan hệ cộng đồng cư trú. Đánh mất tính

⁽⁷⁾ *Sđđ*, tr.53.

cộng đồng cũng có nghĩa là làm suy yếu hệ giá trị, lung lay nền tảng tinh thần xã hội.

Thứ năm, truyền thống hiếu học chưa được thể hiện một cách rõ nét ở văn hóa đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, xuất phát từ chính mảnh đất nơi đây, là một vùng đất rộng người thưa. Mặc dù ở một trình độ kinh tế thấp, nhưng lại là vùng đất có tiềm năng lớn, người dân chủ yếu sống vào nông nghiệp, săn bắn thú rừng. Truyền thống hiếu học của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên chỉ thể hiện qua cách dạy dỗ mọi người cách trồng trọt, chăn nuôi, dệt vải, săn bắn thú rừng và các kỹ thuật trình diễn cồng chiêng, đàn t'rung, đàn gió, đàn đá.

Trong xã hội Tây Nguyên cổ truyền, mọi người tích lũy kiến thức từ nhiều mặt, rất đa dạng và phong phú. Điều đó thể hiện ở việc tiếp thu các kiến thức về lao động sản xuất trong nông nghiệp: săn bắn, hái lượm, trồng trọt, chăn nuôi, dệt vải. Tiếp thu kiến thức về lao động chế tác: các vật dụng liên quan đến sản xuất nông nghiệp (dao, móc tria hạt, cuốc), các công cụ liên quan đến các loại âm nhạc (cồng chiêng, đàn gió, đàn t'rung). Học tập kiến thức xã hội: lệ làng, các nghi thức tín ngưỡng, cách tổ chức của làng, thông qua các bài giảng hoặc kể chuyện của già làng trong sinh hoạt cộng đồng ở nhà Rông, nhà Dài. Đồng bào học tập kiến thức văn học nghệ thuật: kể chuyện sử thi, truyện truyền thuyết về làng, về dòng họ, ca hát, đánh cồng chiêng, chơi các nhạc cụ.

Đồng bào các dân tộc Tây Nguyên học tập các kiến thức chỉ là những kỹ năng mang tính phổ thông, phổ cập đối với toàn bộ xã hội. Mọi người có thể biết được các kiến thức đó để tham gia vào các hoạt động cộng đồng, tạo nên cuộc sống cho bản thân

và gia đình. Trong xã hội Tây Nguyên cổ truyền chưa thấy việc học tập mang tính lý luận khoa học, tư tưởng, giảng dạy mang tính hệ thống. “Trong xã hội Tây Nguyên cổ truyền chưa có hình thức truyền thụ kiến thức, dù là hình thức truyền thụ bằng miệng, chưa có việc thầy truyền nghề cho trò và trò học nghề. Vì vậy, có thể nói xã hội Tây Nguyên trước đây chưa có hình thức tổ chức giáo dục, chưa hoạt động giáo dục thực sự”⁽⁸⁾.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa cùng với tác động mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường đang làm thay đổi bộ mặt mảnh đất Tây Nguyên nói chung và bản sắc văn hóa nói riêng. Bên cạnh những thay đổi tích cực cả về vật chất lẫn tinh thần, quá trình đó cũng đang làm cho những giá trị văn hóa, đạo đức tồn tại hàng ngàn năm có nguy cơ bị mất dần đi; không gian văn hóa bị thu hẹp, trong tiềm thức của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, hình ảnh kể chuyện sử thi và khan bên bếp lửa nhà Rông, nhà Dài ngày càng xa dần. Những vấn đề đó đang đặt ra cho việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên những thách thức lớn. Chính vì vậy, khơi dậy những giá trị văn hóa dân tộc truyền thống của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói chung trong đó có những giá trị đạo đức truyền thống nói riêng sẽ góp phần giữ gìn và phát triển các giá trị truyền thống của văn hóa, xây dựng hệ giá trị chung của con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

⁽⁸⁾ Nguyễn Tấn Đắc (2005), *Văn hóa, xã hội và con người Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.139.

